

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

Báo cáo tài chính riêng Quý 02 năm 2021

Ngày 30 tháng 06 năm 2021



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty"), trước đây là Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Phúc, là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 15/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006, giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC-UBCK ngày 1 tháng 9 năm 2015, giấy phép điều chỉnh số 74/GPĐC-UBCK cấp ngày 19/11/2020 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 32/GPĐC-UBCK cấp ngày 27/05/2021 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("TVS") được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 36/UBCK-GPHDKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, đã mua 99,2% cổ phần của Công ty và trở thành công ty mẹ vào ngày 13 tháng 02 năm 2015 ngày 19/11/2020 TVS mua thêm 10.000.000 CP tương đương 99,84%.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư.

Công ty có trụ sở chính tại lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BAN ĐIỀU HÀNH

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và tới ngày lập báo cáo tài chính riêng Quý 02/2021 này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Bà Nguyễn Thanh Thảo	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2020
Ông Lê Quang Tiến	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2020
Ông Jonathan Charles Eames	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2020
Ông Trần Vinh Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 04 năm 2020
Bà Bùi Thị Kim Oanh	Thành viên	Từ nhiệm ngày 07 tháng 04 năm 2020

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và tới ngày lập báo cáo tài chính riêng Quý 02/2021 này là ông Trần Vinh Quang tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 07 năm 2020.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tới ngày lập báo cáo tài chính riêng Quý 02/2021 này là bà Nguyễn Thanh Thảo - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Điều hành cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng Quý 02/2021; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng Quý 02/2021 trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THÔNG TIN CHUNG

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng Quý 02/2021 của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đang áp dụng. Ban Điều hành Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng Quý 02/2021 cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày 30/06/2021 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng Quý 02/2021.



Ông Trần Vinh Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 19 tháng 07 năm 2021

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG
Quý 02/2021 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

B01a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		79.145.597.684	55.191.554.101
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	50.994.989.731	4.081.759.228
111	1. Tiền		50.994.989.731	2.081.759.228
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	2.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		25.858.850.000	41.472.850.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn	5	25.858.850.000	41.472.850.000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	5	-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	2.238.488.223	9.607.814.341
132	1. Trả trước cho người bán		31.927.500	-
134	2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ		2.203.560.723	9.587.841.629
135	3. Các khoản phải thu khác		3.000.000	19.972.712
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		53.269.730	29.130.532
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	53.269.730	29.130.532
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		85.050.973.237	85.013.832.986
250	I. Đầu tư tài chính dài hạn		84.800.000.000	84.800.000.000
251	1. Đầu tư vào Công ty con	8	84.800.000.000	84.800.000.000
260	II. Tài sản dài hạn khác		250.973.237	213.832.986
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	159.894.083	178.775.491
268	2. Tài sản dài hạn khác	10	91.079.154	35.057.495
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		164.196.570.921	140.205.387.087
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		14.493.911.049	4.863.465.370
310	I. Nợ ngắn hạn		14.493.911.049	4.863.465.370
312	1. Phải trả người bán		-	24.573.840
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	8.811.744.295	1.997.518.450
315	3. Phải trả người lao động		3.772.450	2.396.286.001
316	4. Chi phí phải trả	12	50.000.000	70.000.000
319	5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		-	-
323	6. Quỹ khen thưởng phúc lợi		628.394.304	375.087.079
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		149.702.659.872	135.341.921.717
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	13	125.000.000.000	125.000.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính		1.755.891.311	1.755.891.311
419	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.755.891.311	1.755.891.311
420	4. Lợi nhuận chưa phân phối		21.190.877.250	6.830.139.095
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		164.196.570.921	140.205.387.087

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 02/2021 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG TẠI NGÀY 30/06/2021.

Mã số	CHỈ TIÊU		Ngày 30 tháng 06 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
006	1. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		22.400.000.000	40.000.000.000
007	- Chứng khoán giao dịch		22.400.000.000	40.000.000.000
030	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác		174.363.487.649	98.800.316.514
031	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	21	174.363.487.649	98.800.316.514
040	Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác		1.896.231.029.244	811.618.676.665
041	Nhà đầu tư ủy thác trong nước	22	1.896.231.029.244	811.618.676.665
050	Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	23	41.637.356.707	18.404.793.690
051	Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	24	7.991.525.896	7.782.635.792

Bà Phạm Uyên Vy
Người lập

Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng



Ông Trần Vinh Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 19 tháng 07 năm 2021

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Quý 02/2021 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021.

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 02/2021 VND	Quý 02/2020 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
10	1. Doanh thu		11.282.110.982	1.525.166.632	14.743.700.837	3.174.968.160
11	2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	14	11.282.110.982	1.525.166.632	14.743.700.837	3.174.968.160
15	3. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	15	(7.264.857.051)	(1.242.864.561)	(9.053.125.789)	(2.353.389.433)
20	4. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		4.017.253.931	282.302.071	5.690.575.048	821.578.727
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	16	16.642.754.543	71.609.171	21.449.105.887	152.753.650
22	6. Chi phí hoạt động tài chính		-	(168.000.000)	-	(168.000.000)
25	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17	(493.386.278)	(323.105.427)	(984.624.210)	(663.526.440)
30	8. Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		20.166.622.196	(137.194.185)	26.155.056.725	142.805.937
31	9. Thu nhập khác		-	-	-	-
32	10. Chi phí khác		-	-	(60.000.000)	-
40	11. Lợi nhuận khác		-	-	(60.000.000)	-
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		20.166.622.196	(137.194.185)	26.095.056.725	142.805.937
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	18.2	(4.033.324.439)	-	(5.231.011.345)	(28.561.187)
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		16.133.297.757	(137.194.185)	20.864.045.380	114.244.750
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19	1.291	(55)	1.669,12	45,70

lll

jamuuu



Bà Phạm Uyên Vy
Người lập

Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng

Ông Trần Vinh Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 19 tháng 07 năm 2021

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Quý 02/2021 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc Ngày 30 tháng 06 năm 2020 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		26.095.056.725	142.805.937
	<i>Điều chỉnh:</i>			
03	1. Các khoản dự phòng		-	168.000.000
05	2. (Lỗ)/lãi từ hoạt động đầu tư		(21.449.105.887)	(152.753.650)
	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi của vốn lưu động		4.645.950.838	158.052.287
09	1. Giảm các khoản phải thu		7.369.249.406	18.239.909
11	2. Giảm/(tăng) các khoản phải trả		5.256.352.712	(1.992.688.376)
12	3. Giảm chi phí trả trước		(61.279.449)	54.309.250
14	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(849.139.803)	(677.841.492)
16	5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		16.361.133.704	(2.439.928.422)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi mua sắm xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
25	2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		15.614.000.000	-
27	3. Lãi tiền gửi thu được		8.688.096.799	152.753.650
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		24.302.096.799	152.753.650
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
32	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		6.250.000.000	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		6.250.000.000	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		46.913.230.503	(2.287.174.772)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	4	4.081.759.228	9.323.948.810
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	50.994.989.731	7.036.774.038

Jamuu

lll



Bà Phạm Uyên Vy
Người lập

Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng

Ông Trần Vinh Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 19 tháng 07 năm 2021

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU RIÊNG
Quý 02/2021 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021.

B05a-CTQ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu kỳ		Số tăng/(giảm) trong kỳ				Số cuối kỳ	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2020 VND	Ngày 1 tháng 1 năm 2021 VND	Đến 30/06/2020		Đến 30/06/2021		Ngày 30 tháng 06 năm 2020 VND	Ngày 30 tháng 06 năm 2021 VND
				Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	13	25.000.000.000	125.000.000.000	-	-	-	-	25.000.000.000	125.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính		1.502.584.086	1.755.891.311	-	-	-	-	1.502.584.086	1.755.891.311
3. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.502.584.086	1.755.891.311	-	-	-	-	1.502.584.086	1.755.891.311
4. Lợi nhuận chưa phân phối		6.251.259.084	6.830.139.095	114.244.749	(3.980.650.040)	20.864.045.380	(6.503.307.225)	2.384.853.793	21.190.877.250
TỔNG CỘNG		34.256.427.256	135.341.921.717	114.244.749	(3.980.650.040)	20.864.045.380	(6.503.307.225)	30.390.021.965	149.702.659.872



Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng




Ông Trần Vinh Quang
Tổng Giám đốc

Bà Phạm Uyên Vy
Người lập

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 19 tháng 07 năm 2021

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý 02/2021 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

B09a-CTQ

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty"), trước đây là Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Phúc, là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 15/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006, giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC-UBCK ngày 1 tháng 9 năm 2015, giấy phép điều chỉnh số 74/GPĐC-UBCK cấp ngày 19/11/2020 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 32/GPĐC-UBCK cấp ngày 27/05/2021 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("TVS") được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 36/UBCK-GPHDKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, đã mua 99,2% cổ phần của Công ty và trở thành công ty mẹ vào ngày 13 tháng 2 năm 2015, ngày 19/11/2020 TVS mua thêm 10.000.000 CP tương đương 99,84%.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư.

Công ty có trụ sở chính tại lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 13 người (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 12 người).

Công ty con

Công ty thực hiện khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Finsight dưới hình thức góp vốn với tổng số tiền là 84.800.000.000 đồng, tương đương với tỉ lệ sở hữu là 84,73% và trở thành công ty mẹ của công ty này.

Công ty Cổ Phần Finsight là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 0316449345 cấp ngày 20 tháng 08 năm 2020 do Sở kế hoạch đầu tư TP.HCM cấp.

Hoạt động chính của Công ty con là hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính, hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn pháp luật); các hoạt động thỏa thuận và giải quyết các giao dịch tài chính; hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn pháp luật); hoạt động trung gian thanh toán; lập trình máy vi tính; tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan; cổng thông tin (trừ các thông tin Nhà nước cấm và hoạt động báo chí); nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận.

Công ty con có trụ sở tại Lầu 7, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 03, TP.HCM, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

2.1 **Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 2);

- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 3);

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

2.5 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có một công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh 1*. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Cũng theo quy định tại các văn bản này. Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho Quý 02/2021 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất của Công ty và công ty con.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản đầu tư vào những chứng khoán nhằm mục đích kinh doanh ("chứng khoán thương mại").

Chứng khoán thương mại là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Chứng khoán thương mại được ghi nhận theo giá

thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Lãi dự thu nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng. Chứng khoán thương mại được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc năm tài chính tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thực tế trên thị trường tại ngày có giao dịch gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư 146/2014/TT-BTC.

Chứng khoán khác được lập dự phòng giảm giá theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ("Thông tư 48") do Bộ tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên khoản mục "*Chi phí tài chính*".

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được doanh nghiệp khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.4 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.5 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu chuyển đổi, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

3.6 Lợi ích của nhân viên

3.6.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

3.6.2 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành. Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.7 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Phí quản lý

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

3.8 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

3.8 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng .

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<u>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích lập tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên toàn Công ty.

3.10 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu từ hoạt động quản lý quỹ và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ, Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý 02/2021 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

B09a-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu. Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.11 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính riêng này theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi tại các ngân hàng.

	Ngày 30 tháng 06 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Tiền mặt bằng VND	57.912.330	59.941.338
Tiền gửi không kì hạn bằng VND	50.923.254.776	2.021.817.890
Tiền gửi có kì hạn không quá ba (3) tháng bằng VND	-	2.000.000.000
	50.981.167.106	4.081.759.228

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 06 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Quỹ đầu tư tăng trưởng TVAM (Thuyết minh số 19)	-	24.240.000.000
Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 2 (Thuyết minh số 19)	24.786.000.000	16.160.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư Công ty CP Xếp hạng tín nhiệm Thiên Minh	1.072.850.000	1.072.850.000
	25.858.850.000	41.472.850.000

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý 02/2021 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

B09a-CTQ

	Ngày 30 tháng 06 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Phí quản lý danh mục đầu tư	196.320.780	-
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	1.526.301.768	9.056.129.640
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư khác	480.938.175	235.237.523
Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	-	260.570.466
Phải thu hoạt động nghiệp vụ khác	-	35.904.000
Trả trước người bán	31.927.500	-
Lãi dự thu tiền gửi có kì hạn	-	76.712
Khác	3.000.000	19.896.000
	2.238.488.223	9.607.814.341

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 06 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Phí thuê bao dữ liệu phần mềm	19.800.000	19.800.000
Khác	33.469.730	9.330.532
	53.269.730	29.130.532

8. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	Số lượng cổ phiếu		Giá trị theo sổ sách	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty Finsight	8.480.000	8.480.000	84.800.000.000	84.800.000.000
	8.480.000	8.480.000	84.800.000.000	84.800.000.000

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 06 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	45.411.981
Công cụ, dụng cụ	130.872.948	65.295.833
Chứng thư số quốc tế	-	43.778.865
Khác	29.021.135	24.288.812
	159.894.083	178.775.491

10. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý 02/2021 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

B09a-CTQ

	Ngày 30 tháng 06 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Đặt cọc taxi	15.000.000	15.000.000
Đặt cọc phí lưu ký	76.079.154	20.057.495
	91.079.154	35.057.495

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 30 tháng 06 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Thuế GTGT phải nộp	-	3.264.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 17.2)	4.731.011.346	849.139.804
Thuế thu nhập cá nhân	4.080.732.949	1.145.114.646
	8.811.744.295	1.997.518.450

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả là chi phí dịch vụ chuyên môn.

13. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Theo Giấy phép 74/GPĐC-UBCK VND	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn đã góp VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	124.800.000.000	99.84	124.800.000.000
Trần Vinh Quang	100.000.000	0.08	100.000.000
Lê Quang Tiến	100.000.000	0.08	100.000.000
	125.000.000.000	100.00	125.000.000.000

14. DOANH THU THUẦN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Giai đoạn từ 01/02/2021 đến 30/06/2021 VND	Giai đoạn từ 01/01/2020 đến 31/03/2020 VND
Phí quản lý danh mục đầu tư	1.321.994.652	885.458.955
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	1.321.994.652	885.458.955
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM	7.654.587.806	321.805.908
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2	618.859.006	299.676.648
Công ty CP Finhay Việt Nam	1.581.669.518	18.225.121
Công ty CP Finsight	105.000.000	
	11.282.110.982	1.525.166.632

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý 02/2021 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

B09a-CTQ

15. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<i>Giai đoạn từ 01/04/2021 đến 30/06/2021 VND</i>	<i>Giai đoạn từ 01/04/2020 đến 30/06/2020 VND</i>
Chi phí nhân viên	6.603.382.133	895.495.580
Chi phí đồ dùng văn phòng	97.401.984	152.395.655
Chi phí thuê văn phòng	132.543.034	132.543.075
Thuế, phí và lệ phí	19.324.460	1.965.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	285.205.756	36.219.325
Chi phí bằng tiền khác	126.999.643	24.245.544
	<u>7.264.857.051</u>	<u>1.242.864.561</u>

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Giai đoạn từ 01/04/2021 đến 30/06/2021 VND</i>	<i>Giai đoạn từ 01/04/2020 đến 30/06/2020 VND</i>
Lãi tiền gửi	1.668.743	71.609.171
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.800.000.000	
Lãi từ bán chứng khoán kinh doanh	12.761.085.800	-
	<u>16.642.754.543</u>	<u>71.609.171</u>

17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Giai đoạn từ 01/04/2021 đến 30/06/2021 VND</i>	<i>Giai đoạn từ 01/04/2020 đến 30/06/2020 VND</i>
Chi phí nhân viên quản lý	375.424.310	271.354.806
Chi phí đồ dùng văn phòng	5.868.640	1.725.000
Thuế, phí và lệ phí	726.000	352.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.105.015	6.903.720
Chi phí khác	109.262.313	42.769.901
	<u>493.386.278</u>	<u>323.105.427</u>

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty tạm tính thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 20% lợi nhuận tính thuế trong kỳ theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng Quý 02/2021 có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

18.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng Quý 02/2021 vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán Quý 02/2021.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý 02/2021 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

B09a-CTQ

18.2 Chi phí Thuế TNDN hiện hành

	Giai đoạn từ 01/04/2021 đến 30/06/2021 VND	Giai đoạn từ 01/04/2020 đến 30/06/2020 VND
Lợi nhuận thuần trước thuế	20.166.622.196	(137.194.185)
Điều chỉnh: Thu lao HĐQT		
Lợi nhuận tính thuế ước tính	20.166.622.196	(137.194.185)
Chuyển lỗ	-	-
Thuế TNDN tạm tính (20%)	4.033.324.439	-
Các khoản điều chỉnh tăng		
- Chi phí không được trừ	12.000.000	-
Chi phí thuế TNDN ước tính	4.045.324.439	-

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lãi thuần phân bổ cho các cổ đông của Công ty chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ. Thông tin sau được sử dụng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty:

	Giai đoạn từ 01/04/2021 đến 30/06/2021 VND	Giai đoạn từ 01/04/2020 đến 30/06/2020 VND
Lãi thuần phân bổ cho các cổ đông của Công ty (đồng)	16.133.297.757	(137.194.185)
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	12.500.000	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	1.291	(-55)

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 06 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
			VND	VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	Công ty mẹ	Thu phí quản lý danh mục đầu tư	2.643.989.304	12.595.445.949
		Tăng tiền gửi ủy thác	907.232.767.531	836.678.167.484
		Giảm tiền gửi ủy thác	(832.722.174.933)	(748.773.424.341)
		Mua lại CCQ FUCTVGF2 từ TVS		(13.130.000.000)
		Chi cổ tức trong năm	(6.240.000.000)	(3.720.000.000)
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM	Bên liên quan	Phí lưu ký	(8.324.460)	(28.181.700)
		Thu phí quản lý danh mục đầu tư	8.238.639.413	1.522.005.314
		Cổ tức được chia trong năm	4.800.000.000	-
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2	Bên liên quan	Thu phí quản lý danh mục đầu tư	1.188.577.825	1.420.144.007
		Cổ tức được chia trong năm	3.880.000.000	

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý 02/2021 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

B09a-CTQ

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 06 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc	Ban điều hành	Lương, phụ cấp và thù lao	666.600.000	2.341.524.909

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 06 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	Công ty mẹ	Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	-	9.056.129.640
Quý Đầu tư Tăng trưởng TVAM	Bên liên quan	Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư Đầu tư ngắn hạn	-	-
		Đầu tư ngắn hạn	24.786.000.000	16.160.000.000
Quý Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2		Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	196.320.780	-
Công ty Cổ Phần Finsight		Đầu tư ngắn hạn	84.800.000.000	84.800.000.000

21. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	Ngày 30 tháng 06 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Số dư đầu kỳ	98.800.316.514	10.159.902.758
Tăng trong kỳ	4.493.649.220.595	2.646.146.690.997
Giảm trong kỳ	(4.418.086.049.460)	(2.557.506.277.241)
Số cuối kỳ	174.363.487.649	98.800.316.514

22. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	Ngày 30 tháng 06 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Cổ phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch	279.131.393.025	355.522.753.045
<i>Trong đó, các cổ phiếu bị suy giảm giá trị:</i>	42.627.784.771	14.006.757.100
CTD	339.000	339.000
VNM	32.933.143.571	-
NVL		14.005.000.000
VJC	933.800	933.800
DMC	428.400	428.400
VSC		55.000
POW	9.692.940.000	

22. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Quý 02/2021 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

B09a-CTQ

	Ngày 30 tháng 06 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Chứng chỉ quỹ	373.241.230.366	159.589.135.873
Trái phiếu chưa niêm yết	1.184.916.703.382	292.906.787.747
Chứng chỉ tiền gửi	58.198.702.471	3.600.000.000
Hợp đồng tiền gửi	743.000.000	-
	<u>1.896.231.029.244</u>	<u>811.618.676.665</u>

23. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 30 tháng 06 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Phải thu cổ tức	450.000.000	884.372.000
Phải thu lãi tiền gửi	30.219.686.707	612.881.220
Đặt cọc mua trái phiếu, chứng chỉ quỹ	3.650.000.000	13.707.668.870
Phải thu bán chứng khoán	7.317.670.000	3.199.871.600
	<u>41.637.356.707</u>	<u>18.404.793.690</u>

24. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 30 tháng 06 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Phải trả tiền mua chứng khoán	5.604.265.000	7.692.000.000
Phải trả phí khác	2.387.260.896	90.635.792
	<u>7.991.525.896</u>	<u>7.782.635.792</u>

25. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng và nhà theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngày 30 tháng 06 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Dưới một (1) năm	<u>530.173.300</u>	<u>530.173.300</u>

26. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

26.1 *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

26.2 *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

26.3 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Điều hành cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý 02/2021 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

B09a-CTQ

26. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

26.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên số tiền chiết khấu:

	Bất kỳ thời điểm nào VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 1 năm đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 30 tháng 06 năm 2021				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	50.994.989.731	-	-	50.994.989.731
Đầu tư ngắn hạn- Gộp	25.858.850.000	-	-	25.858.850.000
Đầu tư vào Công ty con	-	-	84.800.000.000	84.800.000.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	-	2.203.560.723	-	2.203.560.723
Các khoản phải thu khác	-	-	3.000.000	3.000.000
Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	91.079.154	-	91.079.154
	76.853.839.731	2.294.639.877	84.803.000.000	163.951.479.608
Nợ phải trả tài chính				
Chi phí phải trả	-	50.000.000	-	50.000.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2020				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.081.759.228	2.000.000.000	-	4.081.759.228
Đầu tư ngắn hạn	41.472.850.000	-	-	41.472.850.000
Đầu tư vào Công ty con	-	-	84.800.000.000	84.800.000.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	-	9.587.841.629	-	9.587.841.629
Các khoản phải thu khác	-	-	19.972.712	19.972.712
Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	35.057.495	-	35.057.495
	43.554.609.228	11.622.899.124	84.819.972.712	139.997.481.064

Nợ phải trả tài chính

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý 02/2021 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

B09a-CTQ

Chi phí phải trả

70.000.000

-

70.000.000

27. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính riêng Quý 02/2021 của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Ngày 30 tháng 06 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	50.994.989.731	4.081.759.228	50.994.989.731	4.081.759.228
Đầu tư ngắn hạn	25.858.850.000	41.472.850.000	26.880.000.000	53.792.850.000
Đầu tư vào Công ty con	84.800.000.000	84.800.000.000	84.800.000.000	84.800.000.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	2.203.560.723	9.587.841.629	2.203.560.723	9.587.841.629
Các khoản phải thu khác	19.079.154	19.972.712	19.079.154	19.972.712
Ký quỹ, ký cược dài hạn	3.000.000	35.057.495	3.000.000	35.057.495
	163.951.479.608	139.997.481.064	164.975.629.608	152.317.481.064
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả	50.000.000	70.000.000	50.000.000	70.000.000

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu từ hoạt động nghiệp vụ, phải thu khác, chi phí phải trả tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do chủ yếu những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

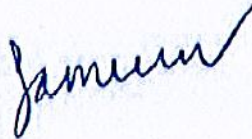
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý 02/2021 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

B09a-CTQ

28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN.

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán riêng Quý 02/2021 yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng Quý 02/2021.



Bà Phạm Uyên Vy
Người lập



Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng

Ông Trần Vinh Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 19 tháng 07 năm 2021